

Bản án số: 42/2024/HS-ST
Ngày: 15-8-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Dũng

Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Ông Hà Văn Lợi

Ông Trần Quốc Toàn

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Hà Việt Khương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2024/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2024. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/QĐXXST - HS ngày 31-7-2024. Đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị H - Tên gọi khác: không. Sinh ngày 08-5-1984 tại tỉnh Yên Bái; Nơi thường trú: Tổ 6, thị trấn N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Nơi ở: Tổ 16, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12. Con ông Nguyễn Văn G - đã chết; Con bà Nguyễn Thị B - Sinh năm 1941. Có chồng là: Nguyễn Văn M - Sinh năm 1975 và có 05 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10-10-2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Phan Trọng K - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hoàng Hà, đoàn Luật sư tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa

- *Bị hại:*

1. Bà Trần Thị T

Địa chỉ: Bản C, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt

2. Bà Trần Thị T1

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đinh Văn K1, bà Hà Thị T2, chị Đinh Thị H1, anh Đinh Văn K2.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã N1, thị xã N2, tỉnh Yên Bái. *Vắng mặt.*

2. Ông Trần Văn T3

Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn N, huyện V, tỉnh Yên Bái. *Có mặt*

3. Ông Nguyễn Văn M

Địa chỉ: Tổ 16, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. *Có mặt*

4. Bà Lâm Thị T4, ông Lâm Quang L, bà Trần Thị T5, anh Nguyễn Mạnh Q.

Cùng địa chỉ: Tổ 6, thị trấn N, huyện V, tỉnh Yên Bái. *(Bà T4, anh Q có mặt, ông L, bà T5 vắng mặt tại phiên toà)*

5. Ông Trịnh Minh S, bà Đinh Thị Tuyết M1

Địa chỉ: Tổ 17, phường T, thị xã N2, tỉnh Yên Bái. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được thể hiện như sau:

Dựa trên mối quan hệ quen biết, Nguyễn Thị H có vay của bà Trần Thị T số tiền 600.000.000 đồng, vay của bà Trần Thị T1 800.000.000 đồng. Với thoả thuận khi nào những người cho vay đòi thì Nguyễn Thị H phải trả. Đến đầu tháng 12-2022, bà Trần Thị T, bà Trần Thị T1 đòi tiền, nhưng Nguyễn Thị H không có tiền trả nên đã nghĩ cách để chiếm đoạt tiền của bà Trần Thị T và Trần Thị T1.

Ngày 07-12-2022, Nguyễn Thị H đến nói với người quen là bà Hà Thị T2, ông Đinh Văn K1 nội dung bị chồng bạo hành, lấy hết tài sản và đuổi ra khỏi nhà. Hiện nay Nguyễn Thị H có mua được 01 mảnh đất nên nhờ bà Hà Thị T2, ông Đinh Văn K1 đứng ra nhận giúp là người đã bán đất cho Nguyễn Thị H với mục đích để giấu không cho chồng lấy hết tài sản. Do tin tưởng và thương hoàn cảnh của Nguyễn Thị H. Nên Đinh Thị H1 *(Là con gái bà Hà Thị T2)* đã viết giấy chuyển nhượng đất với nội dung bà Hà Thị T2, ông Đinh Văn K1 có bán cho Nguyễn Thị H một mảnh đất với giá 900.000.000 đồng, mới trả được 600.000.000 đồng, còn nợ lại 300.000.000 đồng. Viết xong, Nguyễn Thị H nhờ Đinh Thị H1 ký thay ông Đinh Văn K1, bà Hà Thị T2 vào bên bán, còn bị cáo ký tên mình và tên con trai là Nguyễn Văn T6 vào bên mua. Ngày 27-12-2022, Nguyễn Thị H đưa chồng là Nguyễn Văn M đến nhà và rủ bà Hà Thị T2 đi xem đất. Nguyễn Thị H đã đưa chồng và bà Hà Thị T2 đến khu đất đối diện bến xe khách Nghĩa Lộ, chỉ cho mọi người xem mảnh đất có chiều dài theo mặt đường là 10m, nói với mọi người đây là mảnh đất bị cáo đã mua. Sau khi dẫn mọi người đi xem đất, Nguyễn Thị H có dặn bà Hà Thị T2 nếu có ai hỏi thì cứ nói Nguyễn Thị H đã mua đất của vợ chồng bà Hà Thị T2.

Khi bà Trần Thị T đến đòi tiền, Nguyễn Thị H nói đã dùng số tiền vay để mua đất của bà Hà Thị T2 nhưng còn nợ 300.000.000 đồng. Đồng thời cho bà Trần Thị T xem giấy mua bán đã chuẩn bị trước đó và nói nếu bà Trần Thị T muốn mua lại thì Nguyễn Thị H sẽ bán lại với giá 900.000.000 đồng để trừ nợ. Khi bà Trần Thị T đồng ý mua, Nguyễn Thị H đã đưa bà Trần Thị T và bà Hà Thị T2 ra xem

đất tại các thửa đất số: 796 và 797 có địa chỉ tại bản Xa, xã Nghĩa Lợi, thị xã N2. (*Diện tích đất này của ông Trịnh Minh S và bà Đinh Thị Tuyết MI*). Khi bà Trần Thị T hỏi, bà Hà Thị T2 nói lại theo nội dung Nguyễn Thị H đã nhờ là gia đình bà đã bán đất cho Nguyễn Thị H, đến nay Nguyễn Thị H vẫn còn nợ 300.000.000 đồng. Vì vậy bà Trần Thị T đã tin tưởng, nhất trí mua lại lô đất với giá 900.000.000 đồng. Sau khi thống nhất trừ đi số tiền 600.000.000 đồng còn nợ, bà Trần Thị T đã đưa thêm cho Nguyễn Thị H 300.000.000 đồng.

Tháng 12-2022 bà Trần Thị T1 đòi tiền, do không có tiền trả nên Nguyễn Thị H nói sẽ bán lại cho bà Trần Thị T1 thửa đất gia đình bị cáo tại tổ 6, thị trấn N, huyện V để trừ nợ (*Thửa đất này thực tế Nguyễn Thị H thuê lại của ông Lâm Quang L để làm kho chứa hàng*).

Đề bà Trần Thị T1 tin tưởng, Nguyễn Thị H đã tự làm "*Giấy mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất*" và một "*Văn bản cam kết*" có nội dung ông Lâm Quang L, bà Trần Thị T5 bán cho vợ chồng Nguyễn Thị H thửa đất tại tổ 6, thị trấn N, huyện V với giá 1.300.000.000 đồng, đến nay Nguyễn Thị H còn nợ 400.000.000 đồng. Khi bà Trần Thị T1 nhất trí mua lại diện tích đất này, hai bên đã làm giấy mua bán đất với thỏa thuận giá là 1.300.000.000 đồng, bà Trần Thị T1 thanh toán trước cho Nguyễn Thị H 1.150.000.000 đồng. Trong đó trừ nợ 800.000.000 đồng. Sau khi làm giấy mua bán, bà Trần Thị T1 đã đưa thêm cho Nguyễn Thị H 350.000.000 đồng. Còn 150.000.000 đồng hai bên thỏa thuận khi nào Nguyễn Thị H giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Trần Thị T1 thanh toán nốt.

Tháng 01-2023, Nguyễn Thị H chuyển vào sinh sống tại tổ 16, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do bà Trần Thị T, bà Trần Thị T1 không liên lạc được với Nguyễn Thị H nên đi tìm hiểu thì được biết các thửa đất các bà nhận chuyển nhượng đều là của người khác, không phải là của Nguyễn Thị H. Vì vậy bà Trần Thị T, bà Trần Thị T1 đã làm đơn tố giác hành vi lừa đảo của Nguyễn Thị H đến cơ quan điều tra.

Tại Kết luận giám định số: 369/KL-KTHS ngày 06-7-2023 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái đã kết luận: Chữ viết phần nội dung, chữ ký "*H*" chữ viết "*Nguyễn Thị H*" dưới mục "*Người làm giấy*" trên tài liệu giấy bán đất giữa Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị H và Trần Thị T1, Trần Văn T3; Chữ ký "*H*" chữ viết "*Nguyễn Thị H*" dưới mục "*Bên mua*" trên tài liệu "*Giấy mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất*" đề ngày 01-11-2022; Chữ ký "*H*" và chữ viết "*Nguyễn Thị H*" dưới mục "*Bên vay*" trên tài liệu "*Giấy cho vay tiền*" đề ngày 01-11-2022 và chữ ký "*H*", chữ viết "*Nguyễn Thị H*" dưới mục "*Đại diện bên A*" trên tài liệu "*Hợp đồng cọc đất*" đề ngày 28-12-2022 và các chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị H trên các tài liệu mẫu so sánh đều do cùng một người ký và viết ra.

Cáo trạng số: 50/CT-VKS-P2 ngày 10-7-2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Nguyễn Thị H khai: Sau khi vay tiền của bà Trần Thị T và bà Trần Thị T1. Do không có khả năng trả nợ nên bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối bằng cách tự làm các giấy mua bán, chuyển nhượng đất; nhờ người khác đứng ra nhận đã bán đất cho bị cáo. Sau đó chuyển nhượng lại đất cho những người đã cho bị cáo vay tiền nhằm chiếm đoạt khoản tiền đã vay và số tiền chênh lệch do những người mua đất trả thêm. Bị cáo sẽ bồi thường cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt theo yêu cầu của bị hại tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Không tranh luận gì về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo khi phạm tội; bị cáo là người có nhân thân tốt và đã thành khẩn khai báo để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 14 đến 15 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo.

Người bị hại đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không tranh luận gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội đã giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 16 đến 18 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại Trần Thị T số tiền đã chiếm đoạt là: 900.000.000 đồng; bị hại Trần Thị T1 số tiền 1.150.000.000 đồng. Về án phí và quyền kháng cáo đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội, có cơ hội để khắc phục hậu quả do bị cáo gây ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Yên Bái; của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái và của các Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị

cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bào chữa cho bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Thể hiện bị cáo đã thực hiện các hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể: Mặc dù không có đất, nhưng bị cáo đã tự tạo ra các giấy tờ về việc được vợ chồng ông Lâm Quang L, bà Trần Thị T5 bán cho vợ chồng Nguyễn Thị H thửa đất tại tổ 6, thị trấn N, huyện V với giá 1.300.000.000 đồng, đến nay Nguyễn Thị H còn nợ 400.000.000 đồng. Và đưa ra thông tin sai lệch về việc bị chồng bạo hành để tạo lòng tin, thương cảm từ đó nhờ bà Hà Thị T2, ông Đinh Văn K1 đứng ra làm chứng, làm giấy tờ với nội dung đã bán cho Nguyễn Thị H thửa đất tại bản Xa, xã Nghĩa Lợi, thị xã N2 với giá 900.000.000 đồng, đến nay Nguyễn Thị H còn nợ 300.000.000 đồng.

Bị cáo đã sử dụng các thông tin, giấy tờ này để bán lại cho bà Trần Thị T thửa đất số: 796 và 797 có địa chỉ tại bản X, xã N3, thị xã N2 (*Diện tích đất này của ông Trịnh Minh S, bà Đinh Thị Tuyết M1*). Nhằm chiếm đoạt số tiền 900.000.000 đồng. Đồng thời bán cho bà Trần Thị T1 thửa đất ở tại tổ 6, thị trấn N, V (*Diện tích đất này của ông Lâm Quang L, bà Trần Thị T5*). Nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 1.300.000.000 đồng. Trên thực tế, bị cáo đã chiếm đoạt được của bà Trần Thị T 900.000.000 đồng và bà Trần Thị T1 số tiền 1.150.000.000 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực, trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Số tiền bị cáo đã chiếm đoạt được là 2.050.000.000 đồng (*Hai tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*) là số tài sản có giá trị rất lớn. Nên hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây bức xúc cho dư luận. Nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trước khi phạm tội, bị cáo Nguyễn Thị H chưa có tiền án, tiền sự, là người có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo đều đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn

năn, hồi cải. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản; mỗi lần thực hiện hành vi đều chiếm đoạt số tài sản có giá trị lớn, đủ điều kiện để cấu thành tội phạm. Nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự do “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà, bà Trần Thị T yêu cầu bị cáo phải trả số tiền đã chiếm đoạt là 900.000.000 đồng; bà Trần Thị T1 yêu cầu bị cáo phải trả số tiền là 1.150.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị H nhất trí bồi thường số tiền nêu trên cho các bị hại. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận thoả thuận giữa bị cáo và các bị hại về bồi thường dân sự.

[5] Trong vụ án, có ông Đinh Văn K1, bà Hà Thị T2, chị Đinh Thị H1, anh Đinh Văn K2, ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Thị T4, anh Nguyễn Mạnh Q là những người đã ký các giấy tờ liên quan đến việc mua bán chuyển nhượng đất, cung cấp thông tin không đúng thực tế, để từ đó Nguyễn Thị H thực hiện được hành vi gian dối, chiếm đoạt tài sản của bà Trần Thị T và Trần Thị T1. Trong quá trình điều tra đã làm rõ những người này cũng do bị Nguyễn Thị H lừa dối nên đã thực hiện các hành vi nêu trên mà không biết việc Nguyễn Thị H phạm tội. Việc những người này làm giúp Nguyễn Thị H xuất phát từ sự thiếu hiểu biết và tin người, không nhằm mục đích vụ lợi. Nên những người này không cố ý cùng Nguyễn Thị H thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy việc các cơ quan điều tra, truy tố không đề cập xử lý về hình sự đối với những người này là có cơ sở, được chấp nhận.

[6] Về án phí, bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H: 15 (*Mười lăm*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10-10-2023, là ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 589 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự: Xử buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường cho bà Trần Thị T số tiền là: 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*). Bồi thường cho bà Trần Thị T1 số tiền là 1.150.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng*)

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trần Thị T, bà Trần Thị T1 có yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Thị H chưa thi hành xong khoản tiền

bồi thường nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000, đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 73.000.000 đồng. (*Bảy mươi ba triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- THADS tỉnh Yên Bái;
- Trại tạm giam;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ; phòng PC 02 Công an tỉnh.
- Bị cáo; người bào chữa, bị hại.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Vụ GDKT I- TANDTC
- Lưu: h/s, HS, HCTP, TQĐ, THA hình sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Dũng